

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – Nhóm 03

Số tín chỉ: 02

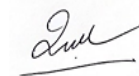
CBGD: Nguyễn Thành Quân

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121170551	Phạm Quốc An	01/12/2003	CCQ2117P	9.0	7	7.8	
2	2121170545	Lâm Quốc Bình	17/06/2003	CCQ2117P	8.5	6	7.0	
3	2121170541	Võ Cảnh	12/11/2003	CCQ2117P	9.2	7	7.9	
4	2121170498	Trần Văn Công	08/03/2003	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
5	2121170520	Nguyễn Thành Danh	07/12/2002	CCQ2117O	7.2	6	6.5	
6	2121170519	Châu Văn Dương	25/12/2003	CCQ2117O	9.8	8	8.7	
7	2118260010	Lê Hoàng Tiến Dương	12/11/2000	CCQ1826A	0.0	0	0.0	Vắng
8	2121170495	Nguyễn Đình Đại	22/08/2003	CCQ2117O	9.3	9	9.1	
9	2121170222	Dương Quốc Đạt	06/01/2003	CCQ2118C	7.3	6	6.5	
10	2121170552	Trần Hoàng Đạt	03/03/2003	CCQ2117P	5.7	5	5.3	
11	2121170536	Phạm Minh Đức	01/06/2003	CCQ2117P	5.3	6	5.7	
12	2121170537	Quan Minh Đức	31/08/2003	CCQ2117P	7.7	5	6.1	
13	2121170503	Nguyễn Đức Hân	04/02/2003	CCQ2117O	6.5	5	5.6	
14	2121110353	Phạm Phúc Hân	19/07/2003	CCQ2111B	7.5	7	7.2	
15	2121180017	Huỳnh Trọng Hiếu	18/12/2003	CCQ2118A	8.3	8	8.1	
16	2121190156	Mai Khải Hoàn	05/09/2002	CCQ2119B	9.5	8	8.6	
17	2121170553	Lê Đình Hoàng	13/01/2003	CCQ2117P	7.7	5	6.1	
18	2121120293	Lê Sỹ Hoàng	13/11/2002	CCQ2112I	0.0	0	0.0	Vắng
19	2121170546	Nguyễn Đức Hoàng	10/11/2002	CCQ2117P	5.2	5	5.1	
20	2121170502	Võ Lê Hoàng	13/05/2003	CCQ2117O	6.8	6	6.3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2121170525	Nguyễn Chí Hội	12/07/2003	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
22	2121170512	Nguyễn Văn Hùng	05/02/2002	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
23	2121170529	Nguyễn Trần Trọng Huy	16/06/2002	CCQ2117P	5.8	6	5.9	
24	2120030153	Phạm Khang Huy	02/06/2001	CCQ2003E	8.7	8	8.3	
25	2121170549	Phan Gia Huy	31/01/2003	CCQ2117P	6.2	6	6.1	
26	2120170532	Phan Thanh Huy	04/04/2002	CCQ2017P	9.2	7	7.9	
27	2120240041	Trần Thị Thúy Huyền	02/01/2002	CCQ2024B	0.0	0	0.0	Vắng
28	2118060055	Thiên Thanh Hương	30/12/1998	CCQ1806B	6.5	7	6.8	
29	2121170550	Trần Huỳnh Khang	17/06/2003	CCQ2117P	9.0	6	7.2	
30	2120170535	Trịnh Quốc Khang	18/04/2003	CCQ2017P	6.2	7	6.7	
31	2121170558	Phạm Quốc Khánh	01/02/2003	CCQ2117P	6.0	6	6.0	
32	2121170517	Lê Thanh Vĩnh Khương	29/09/2003	CCQ2117O	5.7	7	6.5	
33	2120170012	Quách Trung Kiên	06/10/2002	CCQ2017A	6.3	5	5.5	
34	2121170590	Trần Lê Vũ Kỳ	04/12/2003	CCQ2117P	5.0	6	5.6	
35	2121170527	Nguyễn Duy Lộc	11/07/2003	CCQ2117P	7.7	9	8.5	
36	2121170499	Lê Văn Mỹ	15/09/2001	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
37	2121180049	Hà Thanh Nam	10/11/2003	CCQ2118B	9.0	8	8.4	
38	2119030191	Ngô Trọng Nhân	07/08/2001	CCQ1903F	0.0	0	0.0	Vắng
39	2121170516	Huỳnh Thanh Pháp	16/11/2003	CCQ2117O	8.5	7	7.6	
40	2121180016	Phan Hoàng Phúc	30/06/2003	CCQ2118A	8.3	5	6.3	
41	2121170492	Đỗ Thành Phước	25/03/2003	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
42	2121170534	Hoàng Anh Quân	24/03/2003	CCQ2117P	5.7	6	5.9	
43	2121170518	Ngô Quốc Qui	02/07/2003	CCQ2117O	6.3	5	5.5	
44	2121170535	Trần Hoàng Qui	29/09/2003	CCQ2117P	5.7	5	5.3	
45	2121170531	Trần Huyền Quốc	16/02/2003	CCQ2117P	7.7	8	7.9	
46	2121170539	Hà Đức Quyền	04/02/2003	CCQ2117P	8.2	7	7.5	
47	2121170543	Trình Ngọc Quyền	09/03/2003	CCQ2117P	8.7	8	8.3	
48	2120040030	Bùi Khắc Tài	09/06/2002	CCQ2004A	5.0	7	6.2	
49	2121170513	Phạm Tấn Tài	10/08/2003	CCQ2117O	7.5	5	6.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2121170533	Trương Tấn	Tài	26/02/2003	CCQ2117P	9.5	8	8.6	
51	2121170548	Hà Thanh	Tâm	29/09/2003	CCQ2117P	0.0	0	0.0	Vắng
52	2121170500	Trần Ngọc Duy	Tân	19/01/2003	CCQ2117O	8.3	6	6.9	
53	2121170538	Cao Chí	Thanh	03/12/2003	CCQ2117P	7.2	7	7.1	
54	2121120387	Nguyễn Văn	Thiên	11/01/2002	CCQ2112L	6.8	5	5.7	
55	2121170591	Nguyễn Văn	Thọ	09/07/2003	CCQ2117P	6.8	6	6.3	
56	2121170557	Nguyễn Văn	Thông	14/05/2003	CCQ2117P	6.2	5	5.5	
57	2121170504	Trần Minh	Tiến	12/12/2002	CCQ2117O	7.0	8	7.6	
58	2121180013	Nguyễn Thành	Tin	12/12/2003	CCQ2118A	8.8	7	7.7	
59	2121170544	Đoàn Xuân	Toàn	02/11/2001	CCQ2117P	5.7	8	7.1	
60	2121170560	Nguyễn Minh	Trâm	29/10/2000	CCQ2117P	5.0	6	5.6	
61	2121180012	Nguyễn Tấn	Triện	20/06/2002	CCQ2118A	9.5	5	6.8	
62	2121170556	Phùng Văn	Trọng	20/06/2003	CCQ2117P	9.3	10	9.7	
63	2121170555	Đặng Kim	Truyền	26/08/2003	CCQ2117P	0.0	0	0.0	Vắng
64	2121170521	Hồ Văn	Tuấn	12/03/2003	CCQ2117O	9.2	5	6.7	
65	2121170507	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/09/2003	CCQ2117O	7.2	8	7.7	
66	2121170528	Phạm Anh	Tuấn	12/04/2003	CCQ2117P	5.7	5	5.3	
67	2121170554	Huỳnh Đình	Vi	04/03/2003	CCQ2117P	9.8	9	9.3	
68	2121200119	Đặng Công	Viên	25/01/2002	CCQ2120D	8.7	9	8.9	
69	2121170509	Lê Tuấn	Vũ	19/01/2003	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
70	2121260122	Từ Thị Như	Ý	13/04/2001	CCQ2126D	6.8	7	6.9	

TPHCM , ngày 03 tháng 01 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thành Quân